

## ĐỊNH HƯỚNG TÍCH HỢP TRONG VIỆC XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH SỰ PHẠM NGŨ VĂN

Trần Thị Thanh Huyền\*

Trần Viết Thiện\*\*

### Tóm tắt

*Nghiên cứu các hướng phát triển chương trình tiên tiến hiện nay như chương trình CDIO, chương trình POHE,... cho thấy: điểm gặp nhau là các chương trình đều được xây dựng theo hướng tích hợp. Bởi học tập tích hợp có ưu điểm là cho phép sinh viên sử dụng kếp thời gian để vừa học kiến thức, vừa học kỹ năng đáp ứng được mục tiêu phát triển năng lực. Căn cứ vào nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực hiện nay của xã hội; căn cứ trên mục tiêu đào tạo cụ thể; hồ sơ năng lực của sinh viên ngành sư phạm Ngữ văn; bài viết đặt ra các giải pháp nhằm ứng dụng hướng tích hợp trong việc thiết kế và thực hiện chương trình đào tạo ngành sư phạm Ngữ văn.*

**Từ khóa:** *chương trình sư phạm Ngữ văn, dạy học tích hợp*

### 1. Dẫn nhập

Chương trình đào tạo là một tập hợp của các hoạt động gắn kết với nhau nhằm đạt đến mục tiêu giáo dục của nhà trường. Tất cả yếu tố đầu vào dùng để hỗ trợ việc thực hiện chương trình đào tạo và những kết quả đầu ra của quá trình thực hiện bao gồm tài năng được phát triển, kiến thức và kỹ năng đạt được và năng lực tư duy được cải thiện. Những tiến bộ về tri thức và công nghệ cũng là những yếu tố làm cho việc đổi mới chương trình đào tạo trở nên cần thiết nhằm theo kịp với nhu cầu phát triển của xã hội. Phát triển chương trình là một quá trình liên tục điều chỉnh, bổ sung cập nhật làm mới toàn bộ hoặc một số thành tố của chương trình đã có giúp cho việc triển khai chương trình theo mục tiêu giáo dục đặt ra đạt được hiệu quả tốt nhất, phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội. Các chuyên gia phát triển chương trình nhận định: “*Một khi giáo dục đại học không có chuyển biến về chương trình đào tạo thì sẽ không có kế hoạch cải cách nào thành công cả*” [7].

Căn cứ vào thực tiễn của cơ sở đào tạo cũng như thực tiễn nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực hiện nay của xã hội; căn cứ trên thực tiễn việc đặt ra mục tiêu đào tạo; hồ sơ năng lực của sinh viên ngành sư phạm Ngữ văn; bài viết đặt ra các giải pháp nhằm ứng dụng hướng tích hợp trong việc thiết kế và thực hiện chương trình đào tạo ngành sư phạm Ngữ văn.

### 2. Cơ sở của việc ứng dụng

#### 2.1. Về tích hợp trong dạy học

Trong lí luận dạy học hiện đại, tích hợp được hiểu là sự kết hợp một cách hữu cơ, có hệ thống, ở những mức độ khác nhau các kiến thức, kỹ năng thuộc các môn học khác nhau hoặc các hợp phần của bộ môn thành một nội dung thống nhất, dựa trên cơ sở các mối liên hệ về lí luận và thực tiễn được đề cập đến trong các môn học hoặc các hợp phần của bộ môn đó.

Tích hợp là một trong những xu thế dạy học hiện đại hiện đang được quan tâm nghiên cứu và áp dụng vào nhà trường ở nhiều nước trên thế giới. Ở nước ta, từ thập niên 90 của thế kỷ XX trở lại đây, vấn đề xây dựng môn học tích hợp với những mức độ khác nhau mới thực sự được tập trung

\* ThS, Trường Đại học Khánh Hòa

\*\* TS, Trường Đại học Khánh Hòa

nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng vào nhà trường phổ thông, chủ yếu ở bậc tiểu học và bậc THPT. Trước đó, tinh thần giảng dạy tích hợp chỉ mới được thực hiện ở những mức độ thấp như liên hệ, phối hợp các kiến thức, kỹ năng thuộc các môn học hay phân môn khác nhau để giải quyết một vấn đề giảng dạy.

## 2.2. Tích hợp theo phương pháp tiếp cận CDIO

Phương pháp tiếp cận “CDIO” (gọi tắt là tiếp cận “CDIO”) khởi thủy là cách thức tiếp cận một mô hình lý thuyết về đào tạo theo định hướng năng lực đầu ra trong các trường đại học kỹ thuật. Ưu điểm nổi bật của “CDIO” là không có một nguyên tắc cứng nhắc. Đây chỉ là những nguyên lý, ý tưởng nên các ngành đào tạo có thể điều chỉnh linh hoạt để phù hợp cho các chuyên ngành không nằm trong khối kỹ thuật và điều kiện của từng trường. Do vậy, trong quá trình xây dựng chương trình Ngữ văn – một chương trình thuộc chuyên ngành xã hội- chúng tôi nhận thấy những yếu tố khả thi về nguyên tắc tích hợp của phương pháp tiếp cận CDIO.

2.2.1. Tiêu chuẩn tích hợp: Phát triển chương trình đào tạo theo phương pháp tiếp cận CDIO đề ra 12 tiêu chuẩn; trong đó, tiêu chuẩn thứ 7 đề cập trực tiếp đến vấn đề tích hợp – Các trải nghiệm học tập tích hợp.

Tiêu chuẩn 7 được trình bày như sau: Các trải nghiệm học tập tích hợp đưa đến việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành cũng như các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống. Việc thiết kế chương trình đào tạo (CTĐT) và các chuẩn đầu ra, được quy định trong Tiêu chuẩn 2 và 3 tương ứng, chỉ có thể thành hiện thực nếu có được các phương pháp sư phạm tương ứng tận dụng kép được thời gian học tập

của sinh viên (SV). Với các trải nghiệm học tập tích hợp, giảng viên có thể giúp SV một cách hiệu quả hơn trong việc áp dụng kiến thức chuyên ngành vào thực hành kỹ thuật và chuẩn bị cho họ tốt hơn để đáp ứng các nhu cầu của nghề nghiệp kỹ thuật [8].

2.2.2. Thiết kế chương trình đào tạo tích hợp: Phương pháp tiếp cận “CDIO” đã giải thích cụ thể cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành một CTĐT tích hợp. Về mặt thực tiễn, trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, công nghệ, việc bổ sung nội dung hoặc tăng thời gian đào tạo trong chương trình dạy học truyền thống để đáp ứng CDR<sup>1</sup> là rất khó khăn. Vì thế, cần một CTĐT có thể tận dụng kép cả thời gian và nguồn lực trong các môn học chuyên ngành sẵn có, nghĩa là tận dụng sự tổng hợp của việc học cùng lúc các kỹ năng và kiến thức chuyên ngành.

Chương trình giáo dục được tổ chức xoay quanh các chuyên ngành, được tái cấu trúc sao cho các chuyên ngành có thể kết nối và hỗ trợ lẫn nhau hơn, trái với việc tách rời và độc lập với nhau.

Mỗi môn học hoặc trải nghiệm học tập đặt ra các CDR cụ thể về kiến thức chuyên ngành, về các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, về kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình, và hệ thống, nhằm đảm bảo SV có được nền tảng phù hợp cho tương lai của họ. Trong quá trình phát triển chương trình giáo dục đại học hiện nay, người ta vừa chú trọng vào nội dung và cấu trúc chương trình, vừa quan tâm đến đổi mới quá trình đào tạo và đổi mới phương pháp dạy,

<sup>1</sup> “CDR là quy định về nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo” (Bộ GD và Đào tạo (2010), Hướng dẫn xây dựng và công bố CDR ngành đào tạo, Số: 2196 / BGDDT-GDDH).

phương pháp học của người học, đồng thời đề cập đến phương tiện dạy học cũng như quy trình đánh giá, xác nhận kết quả học tập. Tính tích hợp của chương trình sẽ thể hiện ở cả nội dung, cấu trúc và phương thức đào tạo của nó. Cụ thể là:

Chương trình giáo dục tích hợp nhấn mạnh đến việc tạo ra các dự án học tập mà ở đó có sự tích hợp kiến thức, kỹ năng liên ngành, đa ngành và cả những kỹ năng cá nhân. Thông qua việc tham gia vào các dự án học tập, người học được trải nghiệm và hình thành chuẩn kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu xã hội.

Trong chương trình tích hợp, nguồn tri thức sẽ không đóng khung trong khuôn khổ của các học phần/ môn học mà luôn có xu hướng vượt ra ngoài sách giáo trình/ sách giáo khoa, tạo ra tính mở trong hoạt động nhận thức – học tập.

Chương trình giáo dục tích hợp giúp cho việc nhận thức – học tập của người học trở nên linh hoạt, mềm dẻo hơn. Người học chủ động tham gia các nhóm giải quyết dự án học tập; chủ động trong giải quyết các nhiệm vụ học tập và được thả sức sáng tạo thông qua các nhiệm vụ có tính mở, tích hợp các kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp liên ngành, đa ngành và những kỹ năng cá nhân. Thông qua chương trình giáo dục tích hợp, người học được khuyến khích ý thức tự lập giải quyết vấn đề, khuyến khích ứng dụng kiến thức thực tế và xã hội vào quá trình học tập, được tham gia vào một quá trình giáo dục toàn diện.

Chương trình tích hợp cũng tạo điều kiện cho người học được tham gia vào các nhóm SV linh hoạt: có những nhóm cùng chuyên ngành khi giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn hẹp, sâu; cũng có những nhóm liên ngành để giải quyết các nhiệm vụ đòi hỏi sự tích hợp kiến thức, kỹ năng của nhiều ngành; hoặc nhóm lớn đa

ngành, nhiều độ tuổi, trình độ để giải quyết các nhiệm vụ có mối quan tâm và cách tiếp cận của nhiều ngành khoa học khác nhau.

### **3. Các hướng ứng dụng tích hợp trong việc phát triển chương trình sư phạm Ngữ văn**

#### **3.1. Cách tiếp cận**

Theo định hướng tiếp cận năng lực cá nhân, chương trình đào tạo cần phải được thiết kế mềm dẻo, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu cá thể hóa. Với người học, tiến trình đào tạo có thể co giãn tùy theo nhu cầu và khả năng của họ với nỗ lực đạt được các năng lực theo chuẩn đầu ra. Trong quá trình này, người học được lựa chọn các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp, năng lực và sở thích cá nhân ... Với người dạy, từ những hoàn cảnh, những điều kiện cụ thể được linh hoạt điều chỉnh chương trình đào tạo trong phạm vi nhất định, được chủ động lựa chọn sử dụng các phương pháp, cách thức giảng dạy khác nhau... nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu về năng lực theo chuẩn đầu ra.

Hướng tích hợp trong trường hợp này được chúng tôi tiếp cận chủ yếu ở góc độ phương thức, phương tiện (vì theo hồ sơ năng lực mới, tích hợp cũng được coi là một trong những năng lực quan trọng). Phát triển năng lực là mục tiêu cần phải đạt đến của chương trình đào tạo đồng thời là hệ quy chiếu quy định các hướng tích hợp cụ thể. Theo đó, chúng tôi xây dựng hướng tích hợp dựa trên cơ sở hướng đến các mục tiêu năng lực chung và năng lực cụ thể của chương trình sư phạm Ngữ văn.

#### **3.2. Cấu trúc chương trình đào tạo theo hướng tích hợp**

Trên cơ sở quan điểm tích hợp, chúng tôi quan niệm mỗi năng lực do nhiều hợp phần kiến thức tạo nên; ngược lại, mỗi hợp phần kiến thức hướng đến nhiều năng lực khác nhau. Vấn đề ở đây là việc xác

định năng lực cốt lõi và các năng lực “vệ tinh” của từng hợp phần kiến thức.

Trên cơ sở đó, chúng tôi thiết kế các học phần chuyên ngành theo cấu trúc

- Môn giới thiệu ngành
- Môn chuyên ngành
- Môn chuyên sâu

**Bảng minh họa thiết kế chương trình Sư phạm Ngữ văn theo xu hướng tích hợp**

Thứ tự	Nhóm kiến thức	Các học phần cụ thể	Mục tiêu kiến thức	Mục tiêu về năng lực học tập, nghiên cứu	Mục tiêu về năng lực nghiệp vụ
1	Giới thiệu ngành	- Nhập môn Văn học dân gian - Nhập môn Văn học trung đại - Nhập môn Văn học hiện đại - Nguyên lý lý luận Văn học (VH) .....	Kiến thức nhập môn (các khái niệm, phương pháp tiếp cận, đặc trưng thi pháp, lịch sử phát triển...)	Năng lực khái quát, tổng hợp kiến thức VH sử, thi pháp VH...	- Dạy học VH sử - Dạy học theo đặc trưng thi pháp
2	Chuyên ngành	- Văn học trung đại 1 - Văn học trung đại 2 - Văn học hiện đại 1 - Văn học hiện đại 2 .....	Kiến thức về tác giả, tác phẩm, các đỉnh cao VH của một giai đoạn VH cụ thể	Đánh giá, phân tích tác giả, tác phẩm VH cụ thể	Giảng dạy tác giả, tác phẩm cụ thể ở trường THPT
3	Chuyên sâu	- Hệ thống thể loại VH trung đại Việt Nam - Nguyễn Trãi và Nguyễn Du trong tiến trình văn học Việt Nam - Tiểu thuyết, truyện ngắn VN đương đại – nhìn từ sự tương tác thể loại,...	Các vấn đề VH nổi bật (tác gia VH, thể loại VH,...)	Nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề văn học	Dạy học theo chuyên đề

Từ bảng minh họa cho quan điểm thiết kế chương trình sư phạm Ngữ văn theo hướng tích hợp ở một số học phần văn học cho thấy:

Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình ở đây là đáp ứng nhu cầu đổi mới. Điểm cốt lõi là cần xác định mục tiêu trang bị kiến thức về văn học (văn học sử, tác giả, tác phẩm, lí luận văn học) và kiến thức về Tiếng Việt (các đơn vị ngôn ngữ, cú pháp, kiểu văn bản ...), Tập làm văn (các dạng bài tập làm văn) không phải là duy nhất, trọng yếu như từ trước đến nay nữa mà bên cạnh đó các mục tiêu về kĩ năng, năng lực sư phạm cũng cần phải có những bước tiến mới. Ở đó, mục tiêu đào tạo người giáo viên ngữ văn có năng lực dạy học theo hướng phát triển năng lực người học (năng lực tiếp nhận và tạo lập văn bản; năng lực thể hiện cảm xúc thẩm mĩ, bồi dưỡng tình cảm nhân văn cao đẹp) phải được đặt lên hàng đầu (thay vì mục tiêu trang bị kiến thức hàng đầu như từ trước đến nay). Từ triết lý giáo dục khoa cử, từ chương với mục tiêu chủ yếu là tiếp cận kiến thức đến triết lý giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, chú trọng tính chất tổng hợp và đa diện của năng lực bao gồm cả kiến thức, kĩ năng và thái độ, chú trọng mối quan hệ gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, giữa học và hành, giữa dạy chữ và dạy người.... chúng tôi phát triển chương trình hướng tới phát triển năng lực người học.

Việc thiết kế như trên hướng đến tích hợp giữa kiến thức tổng quan và kiến thức chuyên ngành; giữa kiến thức chuyên ngành cơ bản và kiến thức chuyên ngành chuyên sâu. Cách thiết kế trên cũng khắc phục được những hạn chế về điều kiện môn tiên quyết trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Mục tiêu của quan điểm thiết kế này là phát huy cao nhất năng lực người học để họ

có thể sử dụng kếp thời gian để vừa học kiến thức, vừa học kĩ năng.

### 3.3. Các hướng tích hợp có thể vận dụng

- Tích hợp giữa kiến thức chuyên môn và kĩ năng giao tiếp: Trong hồ sơ năng lực đào tạo giáo viên, người xây dựng chương trình luôn đặt kĩ năng giao tiếp thành mục tiêu hướng đến. Chúng tôi coi kĩ năng giao tiếp là một kĩ năng mềm, kĩ năng công cụ rất quan trọng. Với quan điểm, kiến thức nghề nghiệp phải gắn liền với kiến thức, kĩ năng mềm nhằm phục vụ cho nghề nghiệp sau khi ra trường của sinh viên, chúng tôi cũng mạnh dạn đưa vào khối kiến thức cơ sở ngành học phần Kĩ năng giao tiếp; Ngôn ngữ và hoạt động giao tiếp. Mục đích cuối cùng của chương trình là đào tạo ra những người giáo viên không chỉ dạy tốt chuyên môn mà còn có khả năng giao tiếp tốt và đào tạo được các kĩ năng mềm thiết yếu cho các thế hệ học sinh ở các bậc học phổ thông. Đồng thời chúng tôi cũng xác định: kĩ năng này không phải chỉ do học phần cùng tên đảm nhiệm mà nó phải được thực hiện thống nhất, đồng bộ ở nhiều học phần khác nhau. Bất kì người giảng viên chuyên ngành nào cũng phải nhận thức và có trách nhiệm đào tạo, rèn luyện kĩ năng giao tiếp thông qua học phần của mình.

- Tích hợp giữa kiến thức chuyên môn và năng lực nghiệp vụ

Việc đặt ra một tỉ lệ cao các học phần thuộc module kiến thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong việc đào tạo giáo viên là điều cần thiết. Tuy nhiên, có một cách tiếp cận khác đó là hướng tích hợp đào tạo chuyên môn và nghiệp vụ. Định hướng này bác bỏ quan điểm lâu nay vẫn tồn tại đó là việc cho rằng: rèn nghiệp vụ sư phạm thuộc trách nhiệm của giảng viên phương pháp. Ứng dụng quan điểm trên, chúng tôi đặt ra yêu cầu lồng ghép giữa chuyên môn

và nghiệp vụ; hai nhiệm vụ này được thực hiện song hành trong từng học phần. Đi đối với kiến thức chuyên môn nào là định hướng ứng dụng, thực hành; đặc biệt là thực hành dạy học phần kiến thức chuyên môn đó.

Trong quá trình xây dựng chương trình chúng tôi cũng chú trọng đến việc kết hợp việc đào tạo kỹ năng nghiệp vụ nghề nghiệp với việc cung cấp kiến thức chuyên ngành. Với một số ví dụ ở các học phần Văn trong bảng trên, chúng tôi đã lồng ghép kiến thức chuyên ngành và kiến thức nghiệp vụ trong các học phần cụ thể. Điều đó được thể hiện ngay trong mục tiêu cần đạt của từng môn học. Như vậy, chúng tôi qua nhiệm: Việc đào tạo kiến thức nghiệp vụ cho SV không còn là quyền/nghĩa vụ của riêng giảng viên phương pháp nữa mà là nhiệm vụ của tất cả các giảng viên giảng dạy các môn chuyên ngành từ cơ bản đến chuyên sâu.

- Tích hợp giữa kiến thức chuyên môn và năng lực hợp tác, năng lực phản biện, năng lực tự học...

Sau khi xây dựng Hồ sơ năng lực của sinh viên ngành sư phạm Ngữ văn, chúng tôi thiết kế ma trận để xây dựng khung chương trình đào tạo. Trong đó, các năng lực hợp tác, năng lực phản biện, năng lực tự học,... được cụ thể hóa vào mục tiêu của nhiều học phần chuyên ngành. Điều đó đồng nghĩa với việc thông qua đào tạo các học phần chuyên ngành, mỗi giảng viên đều phải tham gia rèn luyện các năng lực trên cho sinh viên. Việc thực hiện các năng lực trên phải được cụ thể hóa qua phương thức dạy học, phương pháp dạy học,

phương pháp kiểm tra đánh giá,...

- Tăng thực hành và giảm lý thuyết

Trong quá trình xây dựng chương trình đại học Ngữ văn chúng tôi xây dựng thêm một số học phần có tính thực hành cao như: học phần Thực tế bộ môn, học phần Hoạt động ngoại khóa văn học,... Đồng thời, chúng tôi tăng thêm tín chỉ ở các học phần phục vụ cho nghiệp vụ; kết hợp định hướng rèn nghiệp vụ xuyên môn...

#### 4. Kết luận

Học tập tích hợp có ưu điểm là cho phép SV sử dụng kép thời gian để vừa học kiến thức, vừa học kỹ năng. Nhưng để có thể sử dụng công dụng kép của thời gian học tập, điều quan trọng là phải có được phương pháp giảng dạy và học tập mới, làm sao tận dụng được tối ưu thời gian nhưng không làm nặng thêm về mặt khối lượng tín chỉ chương trình. Giảng dạy và học tập dựa trên các phương pháp học chủ động (active learning) và trải nghiệm (experiential learning) (tiêu chuẩn “CDIO” 8) là một giải pháp cho vấn đề trên. Vai trò của giảng viên là phải tạo ra được các cơ hội học tập, thông qua các hoạt động đa dạng, kích thích SV khám phá, áp dụng, phân tích và đánh giá các ý tưởng hơn là truyền đạt thông tin một chiều. Có nhiều phương pháp giảng dạy cải tiến giúp SV học chủ động và trải nghiệm, mỗi phương pháp đều có những mặt thuận lợi và khó khăn riêng. Tùy vào từng mục tiêu và điều kiện cụ thể, giảng viên sẽ phối hợp linh hoạt các phương pháp trong quá trình giảng dạy của mình. Hướng tích hợp trong xây dựng chương trình có tính khả thi cao trong việc giải bài toán nói trên □

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ GD & ĐT (2014), *Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*, (Tài liệu tập huấn).
- [2] Bộ GD & ĐT (2014), *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông*, (Tài liệu Hội thảo)
- [3] Bộ GD & ĐT (2015), *Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên phổ thông của các cơ sở đào tạo giáo viên*, (Tài liệu nội bộ).
- [4] Phạm Hồng Quang (2013), *Phát triển chương trình đào tạo giáo viên - Những vấn đề lí luận và thực tiễn*, Nxb ĐH Thái Nguyên.
- [5] Nguyễn Thị Tính (2015), *Bồi dưỡng năng lực phát triển chương trình giáo dục cao đẳng, trung học chuyên nghiệp theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng*, (Tài liệu nội bộ).
- [6] Bùi Mạnh Hùng (2015), *Đổi mới dạy học Ngữ văn: Phác thảo chương trình Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực*, <http://www.hcmup.edu.vn/>
- [7] Nguyễn Hải Thập (chủ biên) (2016), *Phát triển chương trình đào tạo giáo viên phổ thông ngành Ngữ văn (Tài liệu tập huấn cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên phổ thông về phát triển chương trình đào tạo)*, Hà Nội
- [8] Nguyễn Hải Thập (chủ biên) (2016), *Những vấn đề chung về Phát triển chương trình đào tạo giáo viên (Tài liệu tập huấn cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên phổ thông về phát triển chương trình đào tạo)*, Hà Nội

### Abstract

#### **Integrated orientation for building up the philology pedagogy curriculum**

*Researching the development of some current advanced programs such as the CDIO, POHE ... shows that all the above-mentioned programs are based on the approach of integration. Because the integrated learning has the advantage of allowing students to use their double-time for learning their knowledge, learning their skills to meet their capacity development goals. Based on the current social requirements on human resources training, based on the specific training objectives, and the capacity profile of the students majored in philology pedagogy, this article proposes some solutions to apply an integrated approach in designing and implementing the curriculum of philology pedagogy training.*

**Keywords:** *philology pedagogy curriculum, integrated teaching and learning*